

ÔN TẬP CÔNG NGHỆ 11

HỌC KÌ I - NĂM HỌC: 2021 – 2022

I. Lý thuyết:

Bài 1: TIÊU CHUẨN TRÌNH BÀY BẢN VẼ KỸ THUẬT

Câu 1: Trong tiêu chuẩn trình bày bản vẽ kỹ thuật, có mấy khổ giấy chính?

- A. 4. B. 5. C. 6. D. 3.

Câu 2: Từ khổ giấy A2 muốn có khổ giấy nhỏ hơn là khổ giấy A3 ta làm như thế nào?

- A. Chia đôi chiều rộng khổ giấy. B. Chia đôi khổ giấy.
C. Chia đôi chiều dài khổ giấy. D. Cả 3 đều sai.

Câu 3: Khổ giấy A₁ có kích thước là bao nhiêu (mm)?

- A. 841 x 594. B. 420 x 297. C. 594 x 420. D. 297 x 210.

Câu 4: Khổ giấy A₃ có kích thước là bao nhiêu (mm)?

- A. 841 x 594. B. 420 x 297. C. 594 x 420. D. 297 x 210.

Câu 5: Khổ giấy A₁ lớn gấp bao nhiêu lần khổ giấy A₄?

- A. 4 lần B. 6 lần C. 8 lần. D. 16 lần

Câu 6: Khổ giấy A₁ lớn gấp bao nhiêu lần khổ giấy A₃?

- A. 4 lần B. 6 lần C. 8 lần. D. 16 lần

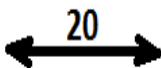
Câu 7: Khổ giấy A₂ lớn gấp bao nhiêu lần khổ giấy A₄?

- A. 4 lần B. 6 lần C. 8 lần. D. 16 lần

Câu 8: Khổ giấy A₀ lớn gấp bao nhiêu lần khổ giấy A₃?

- A. 4 lần B. 6 lần C. 8 lần. D. 16 lần

Câu 9: Cách ghi kích thước nào sau đây là chưa đúng:

- A.  B.  C.  D. 

Câu 10: Tỷ lệ nào sau đây là tỷ lệ phóng to:

- A. 10:1; 1:5; B. 1:2; 1:20 C. 2:1; 1:1 D. 2:1; 5:1

Câu 11: Tỷ lệ nào sau đây là tỷ lệ thu nhỏ:

- A. 100:1; 1:10; B. 1:5; 1:20 C. 10:1; 1:1 D. 10:1; 50:1

Câu 12: Từ khổ giấy A₀, muốn có khổ giấy A₄ ta chia thành mấy phần?

- A. 16 lần. B. 8 lần. C. 4 lần. D. 6 lần.

Câu 13: Cho biết vị trí của khung tên trên bản vẽ kỹ thuật:

- A. Góc trái phía trên bản vẽ. B. Góc phải phía dưới bản vẽ.
C. Góc phải phía trên bản vẽ. D. Góc trái phía dưới bản vẽ.

Câu 14: Tỷ lệ là:

- A. Gồm tỷ lệ phóng to, tỷ lệ thu nhỏ và tỷ lệ nguyên hình.
B. Là một số được thể hiện trên bản vẽ, và có thể là số thập phân.
C. Tỷ số giữa kích thước trên hình biểu diễn và kích thước thực của vật thể.
D. Tỷ số giữa kích thước thực của vật thể và kích thước trên hình biểu diễn.

Câu 15: Nét liền đậm dùng để vẽ:

- A. Đường bao thấy, cạnh thấy. B. Đường bao khuất, cạnh khuất.
C. Đường tâm, đường trục đối xứng D. Đường gióng, đường kích thước.

Câu 16: Nét liền mảnh dùng để vẽ:

- A. Đường bao thấy, cạnh thấy. B. Đường bao khuất, cạnh khuất.
C. Đường tâm, đường trục đối xứng D. Đường gióng, đường kích thước.

Câu 17: Nét đứt mảnh dùng để vẽ:

- A. Đường bao thấy, cạnh thấy. B. Đường bao khuất, cạnh khuất.
C. Đường tâm, đường trục đối xứng D. Đường gióng, đường kích thước.

Câu 18: Nét gạch chấm mảnh dùng để vẽ:

- A. Đường bao thấy, cạnh thấy. B. Đường bao khuất, cạnh khuất.
C. Đường tâm, đường trục đối xứng D. Đường gióng, đường kích thước.

Câu 19: Theo TCVN, kiểu chữ dùng trong bản vẽ kỹ thuật là:

- A. Kiểu chữ ngang. B. Kiểu chữ đứng
C. Kiểu chữ nghiêng D. Tùy ý

Câu 20: Đường gióng vẽ vượt qua đường kích thước một khoảng:

- A. Từ 4 đến 6mm B. Từ 2 đến 3mm
C. Từ 2 đến 4mm D. Từ 2 đến 6mm

Câu 21: Đường kích thước được vẽ bằng:

- A. Nét liền mảnh, song song với phần tử ghi kích thước.
B. Nét liền mảnh, vuông góc với phần tử ghi kích thước.
C. Nét liền đậm, song song với phần tử ghi kích thước.
D. Nét liền đậm, vuông góc với phần tử ghi kích thước.

Câu 22: Đường gióng kích thước được vẽ bằng:

- A. Nét liền mảnh, song song với phần tử cần ghi kích thước.
B. Nét liền mảnh, vuông góc với phần tử cần ghi kích thước.
C. Nét liền đậm, song song với phần tử cần ghi kích thước.
D. Nét liền đậm, vuông góc với phần tử cần ghi kích thước.

Câu 23: Kích thước của khung tên là kích thước nào?

- A. Dài 140mm x rộng 32mm. B. Dài 140mm x rộng 22mm.
C. Dài 140mm x rộng 42mm. D. Dài 130mm x rộng 32mm.

Câu 24: Khi mặt cắt song song với mặt phẳng hình chiếu cạnh thì hình cắt sẽ được biểu diễn tương ứng trên.....

- A. hình chiếu đứng. B. hình chiếu cạnh. C. hình chiếu bằng. D. Cả 3 đều sai

Câu 25: Các khổ giấy được phân chia dựa vào khổ giấy...

- A. A4 B. A3 C. A1 D. A0

Câu 26: Khổ chữ (h) được xác định bằng:

- A. Chiều cao của chữ hoa tính bằng milimet. B. Chiều cao của chữ thường tính bằng milimet.
C. Chiều cao của chữ hoa tính bằng met. D. Chiều ngang của chữ hoa tính bằng milimet.

Câu 27: chiều rộng (d) của nét chữ thường lấy bằng:

- A. 10h B. $\frac{1}{10}h$ C. $\frac{10}{h}$ D. 0,5h

Câu 28: Đường bao khuất và cạnh khuất được vẽ bằng nét vẽ:

- A. Đứt mảnh. B. Lượn sóng. C. Liền mảnh. D. Liền đậm.

Câu 29: Trên bản vẽ kỹ thuật những con số kích thước không ghi đơn vị thì được tính theo đơn vị:

- A. m. B. cm. C. mm. D. dm.

Câu 30: Trên con số kích thước đường kính đường tròn và bán kính của cung tròn ghi các kí hiệu lần lượt sau:

- A. M và R. B. M và T. C. Ø và R. D. Ø và M.

Câu 31: Đường kích thước và đường gióng kích thước được vẽ bằng nét:

- A. Lượn sóng. B. Liền đậm. C. Đứt mảnh. D. Liền mảnh.

Câu 32: Đường tâm và đường trục đối xứng được vẽ bằng nét vẽ:

- A. Gạch chấm mảnh. B. Liền mảnh. C. Liền đậm. D. Đứt mảnh.

Câu 33: Tỷ lệ 1:2 là tỷ lệ gì?

- A. Nguyên hình B. Phóng to C. Nâng cao D. Thu nhỏ

Câu 34: Đường bao thấy và cạnh thấy được vẽ bằng nét vẽ:

- A. Liên đậm. B. Đứt mảnh. C. Liên mảnh. D. Lượn sóng.

Câu 35: Có mấy loại nét vẽ thường gặp trong kĩ thuật?

- A. 4 B. 5 C. 2 D. 3

Bài 2: HÌNH CHIẾU VUÔNG GÓC

Câu 36: Hình chiếu bằng của hình trụ là hình tròn thì hình chiếu đứng là hình:

- A. Hình chữ nhật B. Hình tròn C. Hình tam giác D. hình thoi

Câu 37: Hình chiếu cạnh của hình cầu là hình?

- A. Hình vuông B. Hình chữ nhật C. Hình tròn D. Cả 3 đều sai

Câu 38: Hình chiếu bằng được đặt như thế nào so với hình chiếu đứng?

- A. Bên trái B. Ở trên C. Ở dưới D. Bên phải

Câu 39: Hình chiếu cạnh được đặt như thế nào so với hình chiếu đứng?

- A. Bên trái B. Ở trên C. Ở dưới D. Bên phải

Câu 40: Trong phương pháp hình chiếu vuông góc, hướng chiếu từ trên xuống ta được:

- A. Hình chiếu tùy ý. B. Hình chiếu đứng. C. Hình chiếu cạnh. D. Hình chiếu bằng.

Câu 41: Trong phương pháp hình chiếu vuông góc, hướng chiếu từ trước vào ta được:

- A. Hình chiếu tùy ý. B. Hình chiếu đứng. C. Hình chiếu cạnh. D. Hình chiếu bằng.

Câu 42: Trong phương pháp hình chiếu vuông góc, hướng chiếu từ bên trái ta được:

- A. Hình chiếu tùy ý. B. Hình chiếu đứng. C. Hình chiếu cạnh. D. Hình chiếu bằng.

Câu 43: Hình chiếu đứng thể hiện chiều nào của vật thể:

- A. Chiều dài và chiều cao. B. Chiều dài và chiều rộng.
C. Chiều rộng và chiều ngang. D. Chiều cao và chiều rộng.

Câu 44: Hình chiếu bằng thể hiện chiều nào của vật thể:

- A. Chiều dài và chiều cao. B. Chiều dài và chiều rộng.
C. Chiều rộng và chiều ngang. D. Chiều cao và chiều rộng.

Câu 45: Hình chiếu cạnh thể hiện chiều nào của vật thể:

- A. Chiều dài và chiều cao. B. Chiều dài và chiều rộng.
C. Chiều rộng và chiều ngang. D. Chiều cao và chiều rộng.

Câu 46: Đối với phương pháp chiếu góc thứ nhất thì:

- A. Mặt phẳng hình chiếu cạnh xoay phải 90^0 . B. Mặt phẳng hình chiếu cạnh xoay trái 90^0 .
C. Mặt phẳng hình chiếu cạnh xoay lên 90^0 . D. Mặt phẳng hình chiếu cạnh xoay xuống 90^0 .

Câu 47: Đối với phương pháp chiếu góc thứ nhất thì:

- A. Mặt phẳng hình chiếu bằng xoay phải 90^0 . B. Mặt phẳng hình chiếu bằng xoay trái 90^0 .
C. Mặt phẳng hình chiếu bằng xoay lên 90^0 . D. Mặt phẳng hình chiếu bằng xoay xuống 90^0 .

Câu 48: Đường bao của mặt cắt chap được vẽ bằng :

- A. Nét đứt mảnh B. Nét lượn sóng C. Nét liên đậm D. Nét liên mảnh

Câu 49: Đường bao của mặt cắt rời được vẽ bằng :

- A. Nét đứt mảnh B. Nét lượn sóng C. Nét liên đậm D. Nét liên mảnh

Bài 4: MẶT CẮT – HÌNH CẮT

Câu 50: Mặt cắt chap được vẽ ở đâu so với hình chiếu tương ứng:

- A. Bên trái hình chiếu. B. Ngay lên hình chiếu.
C. Bên phải hình chiếu. D. Bên ngoài hình chiếu.

Câu 51: Mặt cắt rời được vẽ ở đâu so với hình chiếu tương ứng:

- A. Bên trái hình chiếu. B. Ngay lên hình chiếu.
C. Bên phải hình chiếu. D. Bên ngoài hình chiếu.

Câu 52: Hình cắt toàn bộ dùng để biểu diễn:

- A. Vật thể đối xứng. B. Hình dạng bên trong của vật thể.
C. Hình dạng bên ngoài của vật thể. D. Tiết diện vuông góc của vật thể.

Câu 53: Hình cắt một nửa dùng để biểu diễn:

- A. Vật thể đối xứng. B. Hình dạng bên trong của vật thể.
C. Hình dạng bên ngoài của vật thể. D. Tiết diện vuông góc của vật thể.

Câu 54: Hình cắt thể hiện:

- A. Vị trí các công trình với hệ thống đường sá, cây xanh...
B. Vị trí, kích thước của tường, vách ngăn, cửa đi, ...
C. Hình dáng, sự cân đối và vẻ đẹp bên ngoài ngôi nhà.
D. Kết cấu của các bộ phận của ngôi nhà, kích thước, các tầng nhà theo chiều cao, cửa sổ,...

Câu 55: Mặt cắt là:

- A. Hình biểu diễn mặt cắt và các đường bao của vật thể sau mặt phẳng cắt.
B. Hình biểu diễn các đường gạch gạch và đường bao bên ngoài vật thể.
C. Hình biểu diễn các đường bao của vật thể nằm trên mặt phẳng cắt.
D. Hình biểu diễn các đường bao của vật thể sau mặt phẳng cắt.

Câu 56: Mặt cắt nào được vẽ ngoài hình chiếu:

- A. Mặt cắt rời. B. Mặt cắt một nửa. C. Mặt cắt toàn bộ. D. Mặt cắt chập.

Câu 57: Hình cắt là:

- A. Hình cắt bằng của ngôi nhà được cắt bởi mặt phẳng nằm ngang đi qua cửa sổ.
B. Hình chiếu vuông góc của ngôi nhà lên một mặt phẳng thẳng đứng.
C. Hình cắt được tạo bởi mặt phẳng cắt song song với một mặt đứng của ngôi nhà.
D. Hình chiếu bằng của các công trình trên khu đất xây dựng.

Câu 58: Điền vào chỗ trống: “Mặt cắt là hình biểu diễn cáccủa vật thể nằm trên mặt phẳng cắt”.

- A. đường bao thấy. B. đường bao khuất, C. đường bao. D. đường giới hạn.

Bài 5: HÌNH CHIẾU TRỰC ĐO

Câu 59: Góc trục đo của hình chiếu trục đo xiên góc cân có:

- A. $X'O'Y' = Y'O'Z' = 90^\circ$; $X'O'Z' = 135^\circ$ B. $X'O'Y' = Y'O'Z' = 135^\circ$; $X'O'Z' = 90^\circ$
C. $X'O'Y' = Y'O'Z' = X'O'Z' = 120^\circ$ D. $X'O'Y' = Y'O'Z' = X'O'Z' = 135^\circ$

Câu 60: Góc trục đo của hình chiếu trục đo vuông góc đều có:

- A. $X'O'Y' = Y'O'Z' = 90^\circ$; $X'O'Z' = 135^\circ$ B. $X'O'Y' = Y'O'Z' = 135^\circ$; $X'O'Z' = 90^\circ$
C. $X'O'Y' = Y'O'Z' = X'O'Z' = 120^\circ$ D. $X'O'Y' = Y'O'Z' = X'O'Z' = 135^\circ$

Câu 61: Hình chiếu trục đo xiên góc cân có hệ số biến dạng là:

- A. $p = q = r = 0,5$. B. $p = r = 1$; $q = 0,5$ C. $p = q = r = 1$ D. $p = q = 1$; $r = 0,5$

Câu 62: Hình chiếu trục đo vuông góc đều có hệ số biến dạng là:

- A. $p = q = r = 0,5$. B. $p = r = 1$; $q = 0,5$ C. $p = q = r = 1$ D. $p = q = 1$; $r = 0,5$

Câu 63: Trong hình chiếu trục đo, p là hệ số biến dạng theo trục nào?

- A. $O'X'$ B. $O'Z'$. C. $O'Y'$ D. OX.

Câu 64: Trong hình chiếu trục đo, q là hệ số biến dạng theo trục nào?

- A. $O'X'$ B. $O'Z'$. C. $O'Y'$ D. OY.

Câu 65: Trong hình chiếu trục đo, r là hệ số biến dạng theo trục nào?

- A. $O'X'$ B. $O'Z'$. C. $O'Y'$ D. OZ.

Câu 66: Trong phương pháp hình chiếu trục đo vuông góc đều, đường tròn được biểu diễn tương ứng bằng hình elip có: (trong đó là d đường kính của đường tròn)

- A. trục dài bằng $0,71d$ và trục ngắn bằng $2,11d$ B. trục dài bằng $2,11d$ và trục ngắn bằng $0,71d$
C. trục dài bằng $0,71d$ và trục ngắn bằng $1,22d$ D. trục dài bằng $1,22d$ và trục ngắn bằng $0,71d$

Câu 67: Thông số nào sau đây không phải là thông số của hình chiếu trục đo?

- A. Góc trục đo. B. Mặt phẳng hình chiếu. C. Hệ số biến dạng. D. Cả ba thông số.

Câu 68: Hình chiếu trục đo là hình biểu diễn 3 chiều của vật thể, được xác định bằng:

- A. Phép chiếu vuông góc. B. Phép chiếu song song.
C. Phép chiếu xuyên tâm. D. Một loại phép chiếu khác.

Câu 69: Trong Hình chiếu trục đo vuông góc đều:

- A. Phương chiếu vuông góc với mp hình chiếu. B. Phương chiếu song song với mp hình chiếu
C. Phương chiếu xiên góc với mp hình chiếu. D. Phương chiếu song song trục toạ độ

Bài 7: HÌNH CHIẾU PHỐI CẢNH

Câu 70: Hình chiếu phối cảnh hai điểm tụ nhận được khi:

- A. Mặt tranh không song song với một mặt của vật thể.
B. Mặt tranh song song với một mặt của vật thể.
C. Mặt phẳng hình chiếu song song với một mặt của vật thể.
D. Cả 3 đều đúng.

Câu 71: Hình chiếu phối cảnh một điểm tụ nhận được khi:

- A. Mặt tranh không song song với một mặt nào của vật thể
B. Mặt tranh tùy ý
C. Mặt tranh song song với một mặt của vật thể
D. Mặt tranh song song với mặt phẳng vật thể

Câu 72: Hình chiếu phối cảnh hai điểm tụ nhận được khi:

- A. Mặt tranh không song song với một mặt nào của vật thể
B. Mặt tranh tùy ý
C. Mặt tranh song song với một mặt của vật thể
D. Mặt tranh song song với mặt phẳng vật thể

Câu 73: Trong hình chiếu phối cảnh mặt phẳng thẳng đứng đặt vuông góc với mặt phẳng vật thể gọi là gì?

- A. Mặt phẳng tâm mắt B. Mặt tranh C. Mặt phẳng vật thể D. Điểm nhìn

Câu 74: Vẽ phác hình chiếu phối cảnh cần trải qua:

- A. 4 bước B. 7 bước C. 6 bước D. 5 bước

Câu 75: Hình chiếu phối cảnh 1 điểm tụ nhận được khi mặt tranh.....với 1 mặt của vật thể.

- A. song song. B. không song song. C. vuông góc. D. cắt nhau.

Bài 8 : THIẾT KẾ VÀ BẢN VẼ KỸ THUẬT

Câu 76: Hình thành ý tưởng, xác định đề tài thiết kế là giai đoạn mấy trong quá trình thiết kế:

- A. 1 B. 2 C. 3 D. 4

Câu 77: Thu thập thông tin. Tiến hành thiết kế là giai đoạn mấy trong quá trình thiết kế:

- A. 1 B. 2 C. 3 D. 4

Câu 78: Làm mô hình thử nghiệm, chế tạo thử là giai đoạn mấy trong quá trình thiết kế:

- A. 1 B. 2 C. 3 D. 4

Câu 79: Thẩm định, đánh giá phương án thiết kế là giai đoạn mấy trong quá trình thiết kế:

- A. 1 B. 2 C. 3 D. 4

Câu 80: Trong các giai đoạn thiết kế, nếu phương án thiết kế không đạt thì phải quay về giai đoạn nào?

- A. Làm mô hình thử nghiệm, chế tạo thử. B. Thu thập thông tin, tiến hành thiết kế.
C. Hình thành ý tưởng, xác định đề tài thiết kế. D. Lập hồ sơ kỹ thuật.

Bài 9: BẢN VẼ CƠ KHÍ

Câu 81: Trình tự các bước để lập bản vẽ chi tiết như sau:

- A. Vẽ mờ – Ghi phần chữ – Bố trí các hình biểu diễn và khung tên – Tô đậm
- B. Bố trí các hình biểu diễn và khung tên – Vẽ mờ – Ghi phần chữ – Tô đậm
- C. Vẽ mờ – Bố trí các hình biểu diễn và khung tên – Ghi phần chữ – Tô đậm
- D. Bố trí các hình biểu diễn và khung tên – Vẽ mờ – Tô đậm – Ghi phần chữ

Câu 82: Công dụng của bản vẽ chi tiết là:

- A. Thiết kế và chế tạo chi tiết
- B. Chế tạo và kiểm tra chi tiết
- C. Thiết kế và kiểm tra chi tiết
- D. Lắp ráp các chi tiết

Câu 83: Công dụng của bản vẽ lắp là:

- A. Thiết kế và chế tạo chi tiết
- B. Chế tạo và kiểm tra chi tiết
- C. Thiết kế và kiểm tra chi tiết
- D. Lắp ráp các chi tiết

Câu 84: Nội dung của bản vẽ chi tiết là:

- A. Thể hiện hình dạng, kích thước và yêu cầu kỹ thuật của chi tiết.
- B. Thể hiện hình dạng, kích thước và vị trí tương quan của một nhóm chi tiết.
- C. Thể hiện hình dạng và yêu cầu kỹ thuật của chi tiết.
- D. Thể hiện kích thước và vị trí tương quan của một nhóm chi tiết.

Câu 85: Nội dung của bản vẽ lắp là:

- A. Thể hiện hình dạng, kích thước và yêu cầu kỹ thuật của chi tiết.
- B. Thể hiện hình dạng và vị trí tương quan của một nhóm chi tiết được lắp với nhau.
- C. Thể hiện hình dạng và yêu cầu kỹ thuật của chi tiết.
- D. Thể hiện kích thước và vị trí tương quan của một nhóm chi tiết.

Bài 11: BẢN VẼ XÂY DỰNG

Câu 86: Mặt bằng là:

- A. Hình cắt bằng của ngôi nhà được cắt bởi mặt phẳng nằm ngang đi qua cửa sổ.
- B. Hình chiếu vuông góc của ngôi nhà lên một mặt phẳng thẳng đứng.
- C. Hình cắt được tạo bởi mặt phẳng cắt song song với một mặt đứng của ngôi nhà.
- D. Hình chiếu bằng của các công trình trên khu đất xây dựng.

Câu 87: Mặt bằng tổng thể là:

- A. Hình cắt bằng của ngôi nhà được cắt bởi mặt phẳng nằm ngang đi qua cửa sổ.
- B. Hình chiếu vuông góc của ngôi nhà lên một mặt phẳng thẳng đứng.
- C. Hình cắt được tạo bởi mặt phẳng cắt song song với một mặt đứng của ngôi nhà.
- D. Hình chiếu bằng của các công trình trên khu đất xây dựng.

Câu 88: Mặt đứng là:

- A. Hình cắt bằng của ngôi nhà được cắt bởi mặt phẳng nằm ngang đi qua cửa sổ.
- B. Hình chiếu vuông góc của ngôi nhà lên một mặt phẳng thẳng đứng.
- C. Hình cắt được tạo bởi mặt phẳng cắt song song với một mặt đứng của ngôi nhà.
- D. Hình chiếu bằng của các công trình trên khu đất xây dựng.

Câu 89: Mặt bằng tổng thể thể hiện:

- A. Vị trí các công trình với hệ thống đường sá, cây xanh...
- B. Vị trí, kích thước của tường, vách ngăn, cửa đi, ...
- C. Hình dáng, sự cân đối và vẻ đẹp bên ngoài ngôi nhà.
- D. Kết cấu của các bộ phận của ngôi nhà, kích thước, các tầng nhà theo chiều cao, cửa sổ...

Câu 90: Mặt bằng thể hiện:

- A. Vị trí các công trình với hệ thống đường sá, cây xanh...
- B. Vị trí, kích thước của tường, vách ngăn, cửa đi, ...
- C. Hình dáng, sự cân đối và vẻ đẹp bên ngoài ngôi nhà.
- D. Kết cấu của các bộ phận của ngôi nhà, kích thước, các tầng nhà theo chiều cao, cửa sổ,...

Câu 91: Mặt đứng thể hiện:

- A. Vị trí các công trình với hệ thống đường sá, cây xanh...
- B. Vị trí, kích thước của tường, vách ngăn, cửa đi, ...
- C. Hình dáng, sự cân đối và vẻ đẹp bên ngoài ngôi nhà.
- D. Kết cấu của các bộ phận của ngôi nhà, kích thước, các tầng nhà theo chiều cao, cửa sổ,...

Câu 92: Bản vẽ xây dựng gồm:

- A. Các bản vẽ liên quan đến thiết kế, thi công, lắp ráp, kiểm tra, sử dụng,...công trình kiến trúc.
- B. Các bản vẽ liên quan đến thiết kế, thi công, lắp ráp, kiểm tra, sử dụng,...các máy móc, thiết bị
- C. Các bản vẽ liên quan đến thiết kế, chế tạo, kiểm tra, sử dụng,...các công trình, xây dựng.
- D. Các bản vẽ liên quan đến thiết kế, chế tạo, kiểm tra, sử dụng,... các máy móc, thiết bị.

Câu 93: Bản vẽ lắp thể hiện:

- A. Hình dạng, kích của thước và các yêu cầu kỹ thuật chi tiết.
- B. Hình dạng và vị trí tương quan của một nhóm chi tiết được lắp với nhau.
- C. Hình dạng, kích thước và vị trí tương quan của một nhóm chi tiết được lắp với nhau.
- D. Hình dạng, vị trí tương quan và các yêu cầu kỹ thuật chi tiết.

Câu 94: Mặt bằng của bản vẽ xây dựng thể hiện:

- A. kết cấu các bộ phận ngôi nhà và kích thước các tầng theo yêu cầu.
- B. hình dáng, sự cân đối và vẻ đẹp bên ngoài của ngôi nhà.
- C. vị trí, kích thước của tường, vách ngăn, cửa đi, cầu thang,...
- D. vị trí, hình dáng, kết cấu các bộ phận ngôi nhà.

Câu 95: Để thể hiện kết cấu của ngôi nhà người ta dùng?

- A. Mặt đứng.
- B. Mặt bằng.
- C. Mặt cắt.
- D. Đáp án khác.

Câu 96: Để định hướng các công trình, trên bản vẽ mặt bằng tổng thể thường vẽ mũi tên chỉ hướng nào?

- A. Hướng bắc của công trình
- B. Hướng tây của công trình
- C. Hướng nam của công trình
- D. Hướng đông của công trình

Câu 97: Để thể hiện vị trí, kích thước của tường, vách ngăn, cửa đi, cửa sổ, cách bố trí các phòng, các thiết bị ... trong ngôi nhà người ta thể hiện bằng:

- A. hình cắt
- B. mặt đứng
- C. mặt cắt
- D. mặt bằng

Câu 98: Để thể hiện kết cấu của các bộ phận ngôi nhà người ta dùng:

- A. mặt bằng
- B. mặt cắt
- C. hình cắt
- D. mặt đứng

TỔNG HỢP

Câu 99: Chọn phát biểu sai:

- A. Hình biểu diễn các đường bao của vật thể nằm trên mặt phẳng cắt gọi là mặt cắt.
- B. Hình biểu diễn mặt cắt và các đường bao của vật thể sau mặt phẳng cắt gọi là hình cắt.
- C. Đường kích thước được vẽ bằng nét liền mảnh, song song với phần tử cần ghi kích thước.
- D. Hình chiếu trực đo của hình tròn không song song với mặt phẳng X'O'Z' là hình tròn.

Câu 100: Chọn phát biểu sai:

- A. Hình biểu diễn các đường bao của vật thể nằm trên mặt phẳng cắt gọi là mặt cắt.
- B. Hình biểu diễn mặt cắt và các đường bao của vật thể sau mặt phẳng cắt gọi là hình cắt.
- C. Đường kích thước được vẽ bằng nét liền mảnh, vuông góc với phần tử cần ghi kích thước.
- D. Hình chiếu trực đo của hình tròn không song song với mặt phẳng X'O'Z' là hình elip.

Câu 101: Chọn phát biểu sai:

- A. Hình biểu diễn các đường bao của vật thể nằm trên mặt phẳng cắt gọi là mặt cắt.
- B. Hình biểu diễn hình cắt và các đường bao của vật thể sau mặt phẳng cắt gọi là hình cắt.
- C. Đường kích thước được vẽ bằng nét liền mảnh, song song với phần tử cần ghi kích thước.
- D. Hình chiếu trực đo của hình tròn không song song với mặt phẳng X'O'Z' là hình elip.

Câu 102: Chọn phát biểu sai:

- A. Hình biểu diễn các đường bao của vật thể nằm sau mặt phẳng cắt gọi là mặt cắt.
- B. Hình biểu diễn mặt cắt và các đường bao của vật thể sau mặt phẳng cắt gọi là hình cắt.
- C. Đường kích thước được vẽ bằng nét liền mảnh, song song với phần tử cần ghi kích thước.
- D. Hình chiếu trục đo của hình tròn không song song với mặt phẳng $X'O'Z'$ là hình elip.

Câu 103: Hãy chọn câu trả lời đúng nhất:

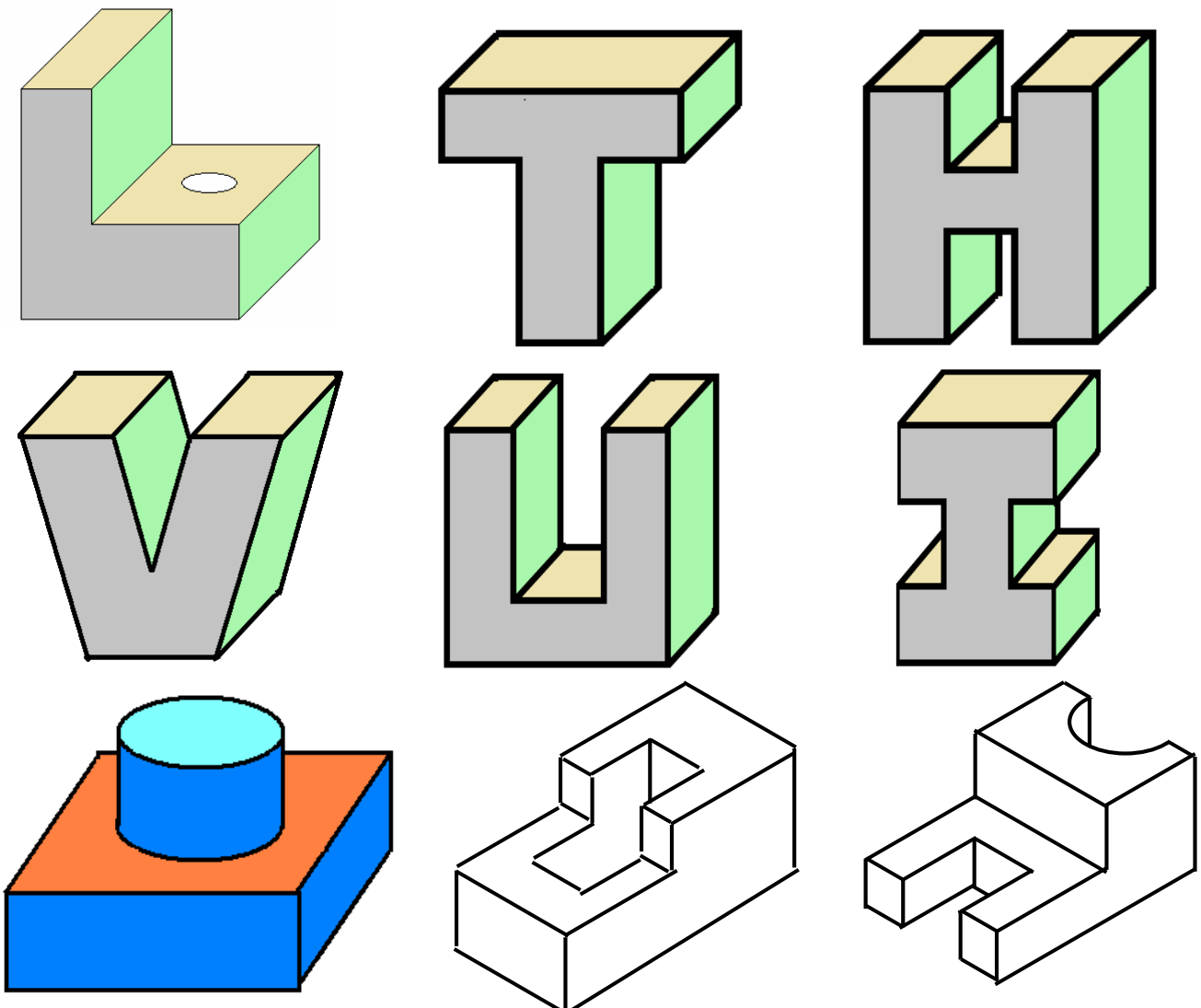
- A. Hình chiếu phối cảnh là hình biểu diễn được xây dựng bằng phép chiếu vuông góc.
- B. Hình chiếu trục đo là hình biểu diễn ba chiều của vật thể được xây dựng bằng phép chiếu song song.
- C. Bản vẽ cơ khí là các bản vẽ liên quan đến thiết kế, thi công, lắp ráp, kiểm tra, sử dụng các máy móc, thiết bị.
- D. Bản vẽ xây dựng là các bản vẽ liên quan đến thiết kế, chế tạo, lắp ráp, kiểm tra, sử dụng các máy móc, thiết bị.

Câu 104: Hãy chọn câu trả lời đúng nhất:

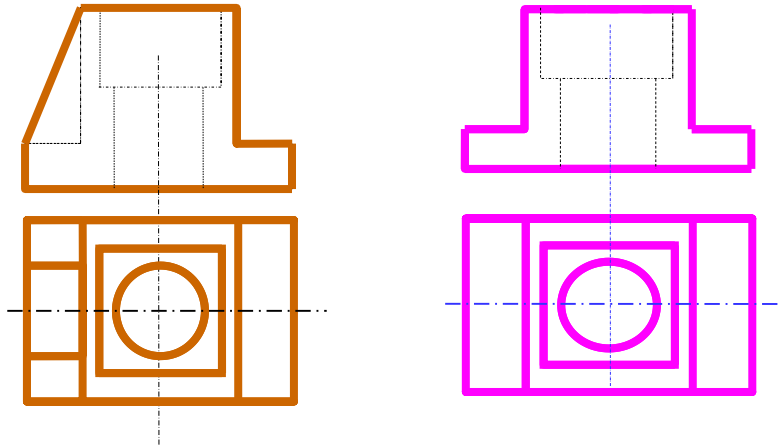
- A. Hình chiếu phối cảnh là hình biểu diễn được xây dựng bằng phép chiếu xuyên tâm.
- B. Hình chiếu trục đo là hình biểu diễn ba chiều của vật thể được xây dựng bằng phép chiếu vuông góc.
- C. Bản vẽ cơ khí là các bản vẽ liên quan đến thiết kế, thi công, lắp ráp, kiểm tra, sử dụng... các máy móc, thiết bị.
- D. Bản vẽ xây dựng là các bản vẽ liên quan đến thiết kế, chế tạo, lắp ráp, kiểm tra, sử dụng... các công trình xây dựng.

II. Bài tập:

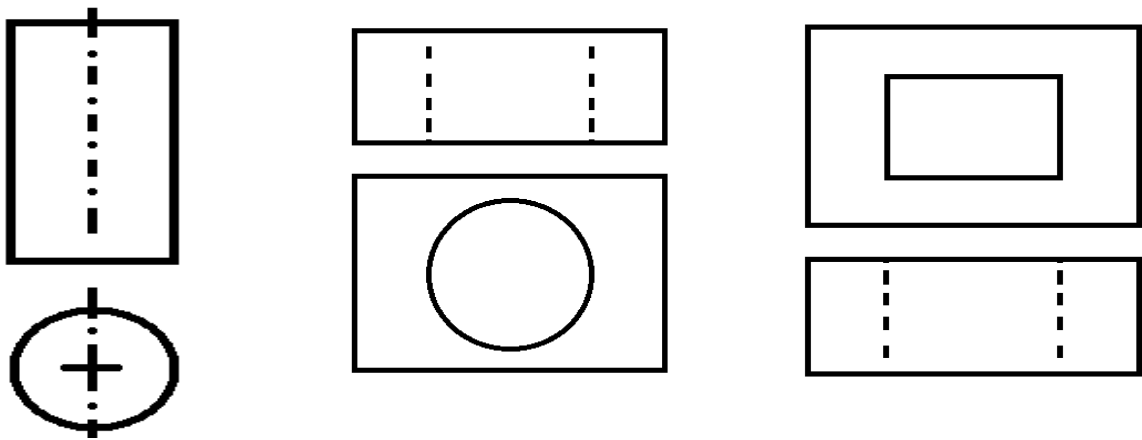
1. Hình chiếu vuông góc.



2. Hình cắt – mặt cắt.



3. Hình chiếu trục đo.



4. Hình chiếu phối cảnh.

